

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi
tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành
văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12
năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định
số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của
Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Nghị định số 32/2020/NĐ-
CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo
dõi tình hình thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23
tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và
Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công
tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 6 năm 2023 và
thay thế Quyết định số 48/2015/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Ủy

ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Hội Luật gia, Đoàn Luật sư tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Lưu: VT, TP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Bình

QUY CHẾ

Phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

(Kèm theo Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Những nội dung có liên quan đến công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Chủ động, thường xuyên, kịp thời, hiệu quả và có sự phân công rõ ràng về trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

3. Bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch và toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm.

4. Kết hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo lĩnh vực và theo địa bàn.

5. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức trong thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; không trùng lặp, chồng chéo với các hoạt động thuộc phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước đã được pháp luật quy định.

6. Huy động sự tham gia của tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội khác và nhân dân vào hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật.
2. Thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật.
3. Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật.
4. Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật.
5. Xem xét, đánh giá và xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật.
6. Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Cung cấp thông tin bằng văn bản, tài liệu có liên quan đến công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của cơ quan chủ trì thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Cử đại diện tham gia các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và khoản 4, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đề nghị của cơ quan chủ trì thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Các hình thức khác phù hợp với quy định pháp luật.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 5. Phối hợp xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp

Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành và thực tiễn thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý ở địa phương, chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh tham mưu xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh trước ngày 30 tháng 01 của năm kế hoạch.

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh

a) Phối hợp với Sở Tư pháp có ý kiến vào nội dung dự thảo kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh khi có yêu cầu.

b) Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Bộ, ngành quản lý và kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh để xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị mình và gửi kế hoạch về Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh và tình hình thực tiễn thi hành pháp luật tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương và gửi kế hoạch về Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

Điều 6. Phối hợp thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý theo các nguồn quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP;

b) Nghiên cứu, phân tích, so sánh, đối chiếu và đánh giá thông tin về tình hình thi hành pháp luật thuộc thẩm quyền xử lý. Trường hợp cần làm rõ tính chính xác, khách quan của thông tin đã được thu thập, tiếp nhận thì có trách nhiệm yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin, giải trình bằng văn bản những vấn đề liên quan; tiến hành kiểm tra, xác minh thực tế (nếu thấy cần thiết).

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thu thập, tiếp nhận thông tin về tình hình thi hành pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý từ các nguồn quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 04/2021/TT-BTP;

b) Nghiên cứu, phân tích, so sánh, đánh giá, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật thuộc thẩm quyền và tổng hợp vào báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin tình hình thi hành pháp luật khi có yêu cầu.

4. Thông tin về tình hình thi hành pháp luật bao gồm những thông tin có nội dung quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, khoản 2 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP.

Điều 7. Phối hợp kiểm tra tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp

Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực trọng tâm, liên ngành ở địa phương.

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý ở địa phương;

b) Phối hợp với Sở Tư pháp trong hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Cử đại diện tham gia hoạt động kiểm tra việc thi hành pháp luật theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

Kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp; kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý ở địa phương.

Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực trọng tâm, liên ngành ở địa phương.

4. Nội dung kiểm tra và tổ chức thực hiện kiểm tra tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra; giải trình những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra theo yêu cầu của đoàn kiểm tra.

Điều 8. Phối hợp điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát theo kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, khi có những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện

Tiến hành điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý, khi có những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành pháp luật thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

3. Việc tiến hành điều tra, khảo sát thông qua phiếu khảo sát, hội thảo, tọa đàm, phỏng vấn trực tiếp và các hình thức phù hợp khác. Căn cứ yêu cầu của việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật, cơ quan chủ trì huy động cộng tác viên tham gia hoạt động điều tra, khảo sát.

4. Nội dung điều tra, khảo sát và đối tượng chủ yếu được điều tra, khảo sát thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

5. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì thực hiện điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật khi có yêu cầu.

Điều 9. Phối hợp xem xét, đánh giá và xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Sở Tư pháp

a) Trên cơ sở kết quả thu thập thông tin; điều tra, khảo sát; kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, tình hình thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trên địa bàn tỉnh; đề xuất, kiến nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương về tình hình thi hành pháp luật giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đánh giá, xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý và tổng hợp vào báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm, gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

b) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện kịp thời xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

c) Đối với các kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm do Bộ Tư pháp gửi Thủ tướng Chính phủ, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện các cơ quan, đơn vị có liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, xử lý các kiến nghị có liên quan đến địa phương và báo cáo tình hình xử lý các kiến nghị về Bộ Tư pháp trong quý I năm sau kỳ báo cáo.

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, đánh giá, xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý và tổng hợp vào báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm gửi Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

3. Chậm nhất sau 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật thì cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật phải báo cáo bằng văn bản về tình hình, kết quả thực hiện các biện pháp nhằm khắc phục hạn chế, tồn tại và xử lý hành vi vi phạm được phát hiện trong quá trình theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

4. Việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP.

Điều 10. Phối hợp báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật định kỳ hằng năm

a) Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi, địa bàn quản lý gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền;

b) Sở Tư pháp tổng hợp, xây dựng báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Bộ Tư pháp đảm bảo thời gian quy định;

c) Nội dung báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

2. Báo cáo tình hình xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật

a) Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình xử lý các kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền;

b) Nội dung báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

3. Báo cáo đột xuất, báo cáo theo chuyên đề tình hình thi hành pháp luật

a) Khi có yêu cầu của Bộ Tư pháp hoặc các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền, Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Phòng Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị chuyên môn tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp xây dựng báo cáo tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu;

b) Nội dung báo cáo thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

Chương III

PHỐI HỢP, HUY ĐỘNG SỰ THAM GIA CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT

Điều 11. Phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cùng cấp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, cấp huyện và các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp, các tổ chức khác có liên quan trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Căn cứ yêu cầu cụ thể của từng hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị các cơ quan, tổ chức phối hợp thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo các nội dung sau đây:

a) Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cùng cấp cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, xét xử;

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, cấp huyện và các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp cung cấp thông tin, kiến nghị của nhân dân thông qua hoạt động giám sát tình hình thi hành pháp luật;

c) Hội Luật gia tỉnh, Đoàn Luật sư tỉnh cung cấp ý kiến, kiến nghị của các luật gia, luật sư về các vấn đề pháp lý liên quan đến tình hình thi hành pháp luật;

d) Các hội nghề nghiệp cung cấp ý kiến, kiến nghị của các thành viên, hội viên về tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn, áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản pháp luật và các vấn đề có liên quan khác;

đ) Các cơ quan thông tin đại chúng cung cấp ý kiến phản ánh của dư luận xã hội về tình hình thi hành pháp luật.

Điều 12. Cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật

1. Cá nhân là chuyên gia, nhà khoa học được huy động tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo cơ chế cộng tác viên quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định 59/2012/NĐ-CP phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

2. Cơ quan nhà nước thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật có thể huy động sự tham gia của cộng tác viên và ký hợp đồng với cộng tác viên theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

2. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí bảo đảm thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung tại Quy chế này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.